



TT	Đơn vị	Tổng cộng	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ngân sách xã đối ứng	Tổng cộng	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ngân sách xã đối ứng	Ghi chú
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11
	Tổng số	2.999	2.282	471	246	3.184	2.282	471	431	
I	Kế hoạch vốn đầu tư công	2.353	1.788	340	225	2.538	1.788	340	410	
1	Phân cấp	2.353	1.788	340	225	2.538	1.788	340	410	Chi tiết tại PL 02
-	Phòng Kinh tế	2.353	1.788	340	225	2.538	1.788	340	410	
II	Kinh phí chi thường xuyên	646	494	131	21	646	494	131	21	Chi tiết tại PL 03
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã					50	40	10		



CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ IA CHIM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án/Nội dung thành phần	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô đầu tư/Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/Dự kiến tổng mức đầu tư						Tổng kế hoạch vốn giao năm 2026	Trong đó			Ghi chú
							Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó								
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó						
											Ngân sách cấp tỉnh đối ứng	Ngân sách cấp xã đối ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11=12+13	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18
	Tổng cộng							3.998	3.248	750	340	410	2.538	1.788	340	410	
I	HỢP PHẦN THỨ NHẤT							3.998	3.248	750	340	410	2.538	1.788	340	410	
I.1	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu							3.998	3.248	750	340	410	2.538	1.788	340	410	
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo							3.998	3.248	750	340	410	2.538	1.788	340	410	
(a)	Khởi công mới							3.998	3.248	750	340	410	2.538	1.788	340	410	

STT	Dự án/Nội dung thành phần	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô đầu tư/Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/Dự kiến tổng mức đầu tư						Tổng kế hoạch vốn giao năm 2026	Trong đó			Ghi chú
							Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó					NSTW	NS tỉnh	NS xã	
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó						
											Ngân sách cấp tỉnh đối ứng	Ngân sách cấp xã đối ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11=12+13	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18
1	Đường liên thôn đoạn từ cuối khu dân cư thôn Nghĩa An đến cổng chào thôn Plei Druân	Phòng Kinh tế	C	Thôn Plei Druân	Chiều dài khoảng 1276m	2026-		2.950	2.529	421	121	300	1.490	1.069	121	300	
2	Đường ngõ xóm tuyến 2 (Đoạn đường từ nhà Ông A Chương dẫn đến nhà Ông A Nhiuh và Đoạn đường từ nhà Ông A Khuỳnh dẫn đến nhà Bà Y Ger)	Phòng Kinh tế	C	Thôn Klâu Lay (thôn Plei Lay cũ)	Chiều dài khoảng 329m	2026-		590	400	190	130	60	590	400	130	60	
3	Đường ngõ xóm Tuyến 4 (Đoạn đường từ nhà Ông A Yir dẫn đến hộ A Nor và Đoạn đường từ nhà Ông A Đái dẫn đến hộ A Trup)	Phòng Kinh tế	C	Thôn Klâu Lay (thôn Plei Lay cũ)	Chiều dài khoảng 243m	2026-		458	319	139	89	50	458	319	89	50	

PHỤ LỤC 03

PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ IA CHIM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ia Chim)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách xã đối ứng (*)	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
	Tổng cộng		646	494	131	21	
I	HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN		646	494	131	21	
1	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu		228	178	50	0	
1.1	Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.	Phòng Kinh tế	45	35	10		
1.2	Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và hải đảo;	Phòng Văn hóa - Xã hội	183	143	40		
2	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững		35	28	7	0	

TT	Nội dung	Cơ quan, đơn vị th ực hiện	Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nư ớc năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách xã đ ối ứng (*)	
2.1	Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học t ập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN , an toàn khu, biên giới và hải đảo. Triển khai phổ cập giáo dục mầm n on cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giá o dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập p cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học c trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, t rẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS&MN, a n toàn khu, biên giới và hải đảo	Phòng Văn hóa - Xã h ội	25	20	5		
2.2	Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin t hị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là kh u vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm t heo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao độ ng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao độn g trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&M N, an toàn khu, biên giới và hải đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi	Phòng Văn hóa - Xã h ội	10	8	2		
3	Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chín h công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 04 nội d ung cụ thể)		15	12	3	0	
3.1	Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chí nh sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông t hôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩ y bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới v à phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai t rò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; t ổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới ; nâng cao nhận thức về g iới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ	Phòng Văn hóa - Xã h ội	15	12	3		
4	Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyể n đổi số ở nông thôn		15	12	3	0	

TT	Nội dung	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách xã đối ứng (*)	
4.1	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”	Phòng Văn hóa - Xã hội	15	12	3		
5	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn		193	153	40	0	
5.1	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS &MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công	20	16	4		
5.2	Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công	15	12	3		
5.3	Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	Phòng Kinh tế	148	117	31		
5.4	Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm	Phòng Văn hóa - Xã hội	10	8	2		

TT	Nội dung	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách xã đối ứng (*)	
6	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN		50	40	10		
6.1	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	20	16	4		
6.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	20	16	4		
6.3	Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	10	8	2		
7	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội		40	32	8		
7.1	Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững	Ban Chỉ huy Quân sự xã	20	16	4		

TT	Nội dung	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách xã đối ứng (*)	
7.2	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm soát, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn	Công an xã	20	16	4		
8	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN		49	39	10		
8.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	Phòng Kinh tế	29	23	6		
8.2	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN	Phòng Kinh tế	10	8	2		
8.3	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Phòng Văn hóa - Xã hội	10	8	2		

Ghi chú:

(*) Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lồng ghép vốn từ dự toán chi sự nghiệp năm 2026 đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị theo các nội dung, nhiệm vụ có tính chất tương đồng với Chương trình hoặc đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân xã điều chỉnh, bổ sung từ các nội dung hết nhiệm vụ chi và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp gần nhất.